|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH TÂY NINH** |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND |  *Tây Ninh, ngày tháng năm 2025* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

 **BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng**

**nông thôn mới năm 2024 đối với thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

## Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

## Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

## Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

## Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## Căn cứ Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

#### Căn cứ Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025;

## Theo đề nghị của UBND thị xã Trảng Bàng tại Tờ trình số 1981/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc thẩm tra, xét công nhận thị xã Trảng Bàng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024;

Theo kết quả thẩm tra, đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã xây dựng nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và điều kiện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024 của các sở ngành, đơn vị cấp tỉnh đối với thị xã Trảng Bàng. UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đối với thị xã Trảng Bàng năm 2024, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra từ ngày 08 tháng 02 năm 2025 đến ngày 28 tháng 02 năm 2025.

**1. Về hồ sơ**

Công tác đánh giá kết quả đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) thị xã Trảng Bàng đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, đúng trình tự, đủ thủ tục, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và Nhân dân.

Các tài liệu minh chứng, kết quả thực hiện các tiêu chí và lấy ý kiến các tổ chức và Nhân dân được tập hợp, phân loại, lưu trữ đầy đủ, các tiêu chí thị xã Trảng Bàng được UBND thị xã Trảng Bàng tổ chức tự đánh giá, trình các sở, ngành chuyên môn của tỉnh thẩm tra, xác nhận đạt chuẩn NTM theo đúng quy định.

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM của thị xã Trảng Bàng đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg,Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg, gồm:

- Tờ trình số 287/TTr-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND thị xã Trảng Bàng đề nghị thẩm tra, xét, công nhận thị xã Trảng Bàng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2024.

- Danh sách các xã đã đạt chuẩn NTM thuộc thị xã Trảng Bàng.

- Danh sách các xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao thuộc thị xã Trảng Bàng.

- Danh sách các phường đạt chuẩn đô thị văn minh thuộc thị xã Trảng Bàng.

 - Biên bản số 1980/BB-UBND ngày 25 tháng10 năm 2024 của UBND thị xã Trảng Bàng họp đề nghị xét, công nhận thị xã Trảng Bàng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2024.

- Báo cáo số 285/BC-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND thị xã Trảng Bàng về kết quả xây dựng NTM đến năm 2024 của thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Báo cáo số 1909/BC-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của UBND thị xã Trảng Bàng về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đến năm 2024 trên địa bàn thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Báo cáo số 1958/BC-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của UBND thị xã Trảng Bàng về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thị xã Trảng Bàng.

- Video clip, hình ảnh minh họa kết quả xây dựng NTM của thị xã Trảng Bàng.

**2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thị xã Trảng Bàng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM**

## Xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực với sự tham gia của toàn xã hội. Năm 2011, từ khi bắt tay thực hiện Chương trình, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; UBND huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) đã triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM thị xã giai đoạn 2011 - 2015, giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025.

## Trên cơ sở đánh giá rút kinh nghiệm kết quả tồn tại và nguyên nhân, sau những năm triển khai xây dựng NTM; Thị ủy, UBND thị xã Trảng Bàng đã ban hành nhiều văn bản về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã Trảng Bàng tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình, giám sát các nội dung xây dựng NTM trên địa bàn. Tổ chức quán triệt đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh và thị xã Trảng Bàng trong xây dựng NTM.

## Đảng ủy - HĐND - UBND các xã cụ thể hóa sự chỉ đạo của Thị ủy -HĐND - UBND thị xã Trảng Bàng, Ban Chỉ đạo xây dựng NTM thị xã Trảng Bàng bằng các Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM và các Nghị quyết chuyên đề, đồng thời lập quy hoạch, đề án xây dựng NTM, xây dựng các kế hoạch công tác, chương trình hành động về xây dựng NTM và phát triển sản xuất, xây dựng và ban hành các quy chế quản lý quy hoạch, đất đai ... Chỉ đạo các ấp xây dựng Nghị quyết của chi bộ, quy ước khu dân cư và xây dựng các kế hoạch triển khai; xây dựng nhà văn hóa, đường làng, ngõ xóm, hệ thống chiếu sáng, tiêu thoát nước khu dân cư; đường trục chính nội đồng, các kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, gia đình văn hóa...

**3. Về số xã, phường đạt chuẩn theo quy định**

**3.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định**

Tổng số xã trên địa bàn thị xã Trảng Bàng: 04 xã (Hưng Thuận, Phước Chỉ, Phước Bình và Đôn Thuận).

Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 04/04 xã, cụ thể:

- Xã Hưng Thuận, Phước Chỉ được công nhận theo Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận các xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2020.

- Xã Phước Bình, Đôn Thuận được công nhận theo Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận các xã đạt chuẩn NTM 2021.

Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 02/04 xã (Hưng Thuận được công nhận theo Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận các xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022; Phước Chỉ được công nhận theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận các xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023)*.*

Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 50%.

**3.2. Số phường đạt chuẩn theo quy định**

Tổng số phường trên địa bàn thành phố: 06 phường (Trảng Bàng, Lộc Hưng, Gia Lộc, Gia Bình, An Tịnh, An Hòa).

Số phường đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 06/06 phường, cụ thể:

- Phường Trảng Bàng được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 5162/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND thị xã Trảng Bàng công nhận phường Trảng Bàng đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường Lộc Hưng được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch thị xã Trảng Bàng công nhận phường Lộc Hưng đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường Gia Lộc được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thị xã Trảng Bàng công nhận phường Gia Lộc đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường Gia Bình được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thị xã Trảng Bàng công nhận phường Gia Bình đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường An Tịnh được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch thị xã Trảng Bàng công nhận phường An Tịnh đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường An Hòa được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thị xã Trảng Bàng công nhận phường An Hòa đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

Tỷ lệ số phường đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

**4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã**

Thị xã Trảng Bàng có 04/04 xã(Hưng Thuận, Phước Chỉ, Phước Bình và Đôn Thuận)được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới, đạt 100%. Qua rà soát, đến nay có 04/04 xã duy trì đạt chuẩn xã nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, Quyết định số 211/QĐ-TTg; Quyết định số 2180/QĐ-UBND, Quyết định số 1622/QĐ-UBND cụ thể như sau:

**4.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 1.1 - Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ và phát triển nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.*

*Chỉ tiêu 1.2 - Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 1.1*** *- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng quy định.*

Năm 2013, UBND thị xã Trảng Bàng đã phê duyệt Đồ án quy hoạch chung cho 02 xã (Hưng Thuận, Phước Chỉ) xây dựng NTM.

Năm 2021, UBND thị xã Trảng Bàng đã phê duyệt quy hoạch chung cho 02 xã ( Đôn Thuận, Phước Bình) xây dựng NTM.

Năm 2018, UBND tỉnh phê duyệt Đồ án quy hoạch chung cho thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035, đảm bảo tiêu chí quy hoạch theo Quy định tại Khoản 2 Điều 31 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

UBND các xã đã công bố, công khai rộng rãi và tiến hành cắm mốc giới theo quy hoạch. 100% xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch; rà soát, bổ sung quy hoạch, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí mới và tình hình thực tế, phù hợp với quy hoạch của thị xã theo vùng, theo ngành, đảm bảo với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; kết hợp xây dựngNTM với đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng... đã được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn; phù hợp quy hoạch phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựngNTM.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 1.2*** *- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch*: 04/04 xã đều có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới được UBND thị xã Trảng Bàng phê duyệt, hiện các xã đã tổ chức thực hiện tốt các đồ án quy hoạch được duyệt, đồng thời phối hợp cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra, quản lý việc xây dựng của người dân đảm bảo phù hợp theo nội dung quy hoạch được duyệt.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 1- Quy hoạch theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu**

**4.2.1. Về giao thông**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 2.1 - Tỷ lệ đường xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: đạt tỷ lệ 100%.*

*Chỉ tiêu 2.2 - Tỷ lệ đường ấp, liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: đạt tỷ lệ 100%.*

*Chỉ tiêu 2.3 - Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm: đạt tỷ lệ 100% (trong đó có tối thiểu 50% được cứng hoá).*

*Chỉ tiêu 2.4 - Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: đạt tỷ lệ 100% (trong đó có tối thiểu 50% được cứng hoá).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 2.1*** *- Tỷ lệ đường xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm:* có 50,626 km/50,626 km tuyến đường xã trên địa bàn 04 xã đã đượcnhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt tỷ lệ 100%.

***Chỉ tiêu 2.2*** *- Tỷ lệ đường ấp, liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm:* có 44,736 km/44,736 km tuyến đường ấp, liên ấp trên địa bàn 04 xã đã được nhựa hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt tỷ lệ 100%.

***Chỉ tiêu 2.3*** *- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm:* có 46,561 km/46,561 km tuyến đường ngõ, xóm được cứng hóa, sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm, đạt tỷ lệ 100%.

***Chỉ tiêu 2.4****- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm:* có 109,538 km/109,538 km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, đạt tỷ lệ 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 2 - Giao thông theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.2. Về Thủy lợi và phòng chống thiên tai**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 3.1-**Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ≥ 80%.*

*Chỉ tiêu 3.2 -**Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 3.1*** *- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu
nước chủ động ≥ 80%:* trên địa bàn 04 xã có diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động đạt tỷ lệ 99,33% và tiêu chủ động đạt tỷ lệ trên 97,1%; diện tích nuôi trồng thủy sản đảm bảo cấp, thoát nước chủ động là 60,64 ha/60,64 ha đạt tỷ lệ 100%.

***Chỉ tiêu 3.2*** *- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo
phương châm 4 tại chỗ:* từ năm 2010 đến năm 2024, 04 xã đã thực hiện tốt các yêu cầu về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.3. Điện**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 4.1- Hệ thống điện đạt chuẩn.*

 *Chỉ tiêu 4.2 - Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (100%).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 4.1****- Hệ thống điện đạt chuẩn:* hệ thống điện trên địa bàn 04 xã từ năm 2011 đến nay đã được ngành Điện lực thường xuyên kiểm tra, rà soát, thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống đường dây, trạm biến áp; tổng chiều dài đường dây trung thế: 154,4 km (tăng 35,98 km so với năm 2011), hạ thế 233 km (tăng 59,66 km so năm 2011); có 319 trạm biến áp (tăng 125 trạm so với năm 2011), đảm bảo đạt các yêu cầu của tiêu chí, hệ thống lưới điện trung hạ thế và trạm biến áp được xây dựng, nâng cấp, cải tạo đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và khoảng cách an toàn hành lang lưới điện đảm bảo theo kỹ thuật của ngành điện.

 ***Chỉ tiêu 4.2*** *- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (100%):* 100% hộ dân trên địa bàn 04 xã có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân từ các nguồn.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 4 - Điện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.4. Trường học**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.*

**b) Kết quả thực hiện**

Trên địa bàn 04 xã có 14/14 trường học (100%) được công nhận đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, trong đó: 04 trường mẫu giáo, 07 trường tiểu học và 03 trường trung học cơ sở.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 5 - Trường học theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.5. Cơ sở vật chất văn hóa**

Chỉ tiêu 6.1 *- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.*

Chỉ tiêu 6.2 *- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.*

Chỉ tiêu 6.3 *- Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng 100%.*

**b) Kết quả thực hiện**

**Chỉ tiêu 6.1** *- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã :* 04/04 xã có Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất sinh hoạt văn hóa, thể thao của xã.

**Chỉ tiêu 6.2 -** *Về điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi:* trên địa bàn 04 xã có 05 điểm vui chơi, giải trí được bố trí trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng, khu di tích lịch sử, trường học … được trang thiết bị cụm trò chơi, tập luyện thể thao đảm bảo nhu cầu cho người già và trẻ em sinh hoạt, vui chơi, giải trí đảm bảo theo quy định.

**Chỉ tiêu 6.3 -** *Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng:* có34/34 ấp trên địa bàn 04 xã có Nhà văn hóa và khu thể thao ấp được xây dựng và đi vào hoạt động, có hội trường sức chứa hơn 100 chỗ ngồi, có trang bị bàn ghế phục vụ hội họp, có bố trí bộ khánh tiết, khu vệ sinh, chỗ để xe…. đảm bảo hoạt động.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.6. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.*

**b) Kết quả thực hiện**

Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, đến năm 2024, thị xã Trảng Bàng hoàn thành việc cải tạo nâng cấp, đầu tư xây mới 03 chợ/04 xã, phục vụ nhu cầu buôn bán trao đổi hàng hóa của người dân trên địa bàn, đáp ứng được yêu cầu xây dựng NTM và dân sinh. Các chợ đảm bảo về mặt bằng, diện tích xây dựng, kết cấu nhà chợ chính (bán kiên cố), các yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình, điều hành quản lý chợ hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành. Đối với xã Phước Chỉ không có chợ, trên địa bàn có 04 cửa hàng kinh doanh tổng hợp đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi, lưu thông hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. (*Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c)** **Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.6. Thông tin và truyền thông**

**a) Yêu****cầu tiêu chí**

Chỉ tiêu 8.1**-** *Xã có điểm phục vụ bưu chính.*

Chỉ tiêu 8.2 *- Xã có dịch vụ viễn thông, internet.*

Chỉ tiêu 8.3 *- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp.*

Chỉ tiêu 8.4 *- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.*

**b) Kết quả thực hiện**

**Chỉ tiêu 8.1** - *Xã có điểm phục vụ bưu chính:* 04/04 xã đều có Bưu điện văn hóa xã đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương như: nhận gửi bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo, chuyển tiền nhanh, chi trả lương hưu, trợ cấp và BHXH.

**Chỉ tiêu 8.2** *- Xã có dịch vụ viễn thông, internet*: 04/04 xã đều có hạ tầng viễn thông, internet của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, internet đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn về hạ tầng và chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng sử dụng điện thoại cố định, di động, internet băng rộng; 04/04 xã đều có mạng wifi miễn phí tại trụ sở UBND xã và Trung tâm Văn hóa, Thể thao-Học tập cộng đồng xã nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành của xã và các tổ chức, cá nhân tại địa phương.

**Chỉ tiêu 8.3** - *Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp:* 04/04 xã có hệ thống Đài truyền thanh đáp ứng theo quy định. 100% số ấp có hệ thống loa truyền thanh hoạt động tốt phục vụ thông tin tuyên truyền về nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

**Chỉ tiêu 8.4 –** *Xã* c*ó ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:* 04/04 xã đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành theo quy định, có 100% cán bộ, công chức có máy tính và sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý, có sử dụng 04 phần mềm theo yêu cầu (phần mềm văn phòng điện tử e-office, egov, thư công vụ (mail tayninh.gov.vn), Một cửa điện tử (motcua.tayninh.gov.vn), Cổng thông tin điện tử. Ngoài ra, các xã còn sử dụng phần mềm chuyên ngành thuộc lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch và lĩnh vực Địa chính - Xây dựng - Môi trường.

(*Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá**: 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.7. Nhà ở dân cư**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

Chỉ tiêu 9.1 - *Không có Nhà tạm, dột nát.*

Chỉ tiêu 9.2 - *Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ≥ 90%.*

**b) Kết quả thực hiện**

**Chỉ tiêu 9.1** - *Không có nhà tạm, dột nát:* nhà ở dân cư nông thôn trên địa bàn thị xã Trảng Bàng hầu hết đều được chỉnh trang xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng của người dân. Thị xã Trảng Bàng đã phát động đến tất cả tầng lớp Nhân dân chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp nhà ở và các công trình phụ trợ đảm bảo theo quy định; thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình về xây dựng nhà ở đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà ở chính sách và kêu gọi sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để hỗ trợ các hộ nghèo, người có công với cách mạng. Kết quả: 04/04 xã không còn nhà tạm, nhà dột nát.

**Chỉ tiêu 9.2** - *Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố:* trên địa bàn 04 xã có 98,42% căn nhà kiên cố hoặc bán kiên cố đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng; kiến trúc nhà ở dân cư tại các xã phù hợp với phong tục tập quán sinh hoạt của Nhân dân; các khu dân cư đã được chỉnh trang, đảm bảo xanh, sạch; khuôn viên các hộ gia đình sắp xếp gọn gàng, công trình phụ trợ phù hợp.

(*Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c)** **Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo**

**4.3.1. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản**

- Trong những năm qua, thị xã Trảng Bàng đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Tổng giá trị sản xuất một số ngành kinh tế chủ yếu năm 2023 (giá so sánh 2010) tăng 11,31% so năm 2022, giai đoạn 2020-2023 tốc độ tăng 8,51%. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2023 chiếm 10,13% tổng giá trị sản xuất một số ngành kinh tế chủ yếu, so với năm 2020 giảm 1,96%. Một số kết quả như sau:

- Về nông nghiệp: sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp là phương châm của thị xã; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa các loại giống có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Khai thác lợi thế của từng vùng để sản xuất hàng hóa tập trung, hình thành và phát triển các chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp. Trồng trọt đã chuyển dịch theo hướng chuyển trọng tâm sản xuất từ sản lượng sang chất lượng, hiệu quả. Các giống lúa chất lượng cao được sử dụng với diện tích ngày càng tăng, đến năm 2024 diện tích lúa chất lượng cao cả năm đạt 34.055 ha (tăng 5.896,13 ha so với năm 2011), giá trị kinh tế sản xuất lúa chất lượng cao hơn sản xuất các giống lúa thông thường từ 1,2-1,5 lần. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, mở rộng cơ giới hóa trong sản xuất. Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm đạt 662.178 tấn/năm đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn thị xã. Thị xã đã tập trung đẩy mạnh chuyển đổi từ cây trồng kém hiệu quả như lúa, cao su, mía, vườn tạp,... sang mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cây trồng đặc sản như cây dưa lưới trong nhà màng, cây chuối xuất khẩu, cây hoa lan, cây rau rừng, rau sông, ... với diện tích 1.472,6 ha (dưa lưới trong nhà màng 21,3 ha, hoa lan 110 ha, chuối 70 ha, rau rừng 8 ha, mít thái lá bàng 2,3 ha, dứa 61 ha, bắp giống 1.200 ha). Diện tích cây trồng hàng năm từ 46.584 ha – 49.900 ha đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (Nghị quyết: diện tích gieo trồng cây hàng năm 45.000 ha-50.000 ha), năng suất các loại cây trồng đều tăng so với cùng kỳ. Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 1ha đất trồng trọt: 132,5 trđ/ha/năm, tăng 26,19% so với năm 2015 (105 trđ/ha/năm).

Thị xã đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch số 2799/KH-UBND ngày 3/11/2020 về Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Năm 2020 thị xã có 2 sản phẩm được Hội đồng đánh giá, phân hạn sản phẩm OCOP của tỉnh xếp hạng 3 sao và 1 sản phẩm 4 sao gồm: Dưa lưới (4 sao), bánh tráng phơi sương và rau rừng tổng hợp (3 sao); lũy kế đến nay có 08 sản phẩm OCOP gồm: Dưa lưới (4 sao), bánh tráng phơi sương, rau rừng tổng hợp, 02 sản phẩm gạo ST25 và 03 sản phẩm (Bánh tráng dẻo me, Bánh tráng dẻo ớt và Bánh tráng dẻo tôm) đạt 3 sao.

- Về Chăn nuôi: ngành chăn nuôi đã chuyển mạnh từ chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, gia trại và sản xuất hàng hóa. Công tác quản lý dịch bệnh được thị xã đặc biệt quan tâm, được các ngành chuyên môn của tỉnh đánh giá cao về công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Thị xã đẩy mạnh áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học đối với gà, lợn và triển khai các chương trình nâng cao chất lượng đàn bò; ứng dụng công nghệ biogas, đệm lót sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Trên địa bàn 4 xã có 5 trang trại, tổng vốn đầu tư của các trang trại, gia trại từ 1,2 tỷ -3 tỷ đồng; thu nhập bình quân mỗi trang trại đạt 100-200 triệu đồng. Hằng năm đàn lợn duy trì từ 37.000-38.500 con, đàn trâu bò duy trì từ 53.000-54.000 con, đàn gia cầm từ 750.000 -760.000 con. Mỗi năm ngành chăn nuôi cho sản lượng thịt hơi các loại đạt 13.000 tấn và trên 15.000.000 quả trứng, đáp ứng nhu cầu thực phẩm của nhân dân và cung cấp cho thị trường.

**-** Về thủy sản: thị xã Trảng Bàng tập trung chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả diện tích nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là diện tích nuôi vèo (ao trong ao). Các mô hình nuôi trồng thuỷ sản ven sông như cá, ếch…tiếp tục ổn định và phát triển, đến nay toàn thị xã có 206 ha nuôi trồng thuỷ sản; nhưng thực nuôi 32,4 ha và 195 vèo, sản lượng nuôi đạt 4.340 tấn, sản lượng thủy sản khai thác đạt 395 tấn.

**4.3.2. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ**

- Công nghiệp: trên địa bàn thị xã, hiện có 03 khu công nghiệp và 01 khu chế xuất đã đi vào hoạt động, với tỷ lệ lấp đầy đạt bình quân 68,83%, có 262 dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp (208 dự án FDI và 54 dự án trong nước) với tổng vốn đầu tư đăng ký 2.644,10 triệu USD và 9.318,35 tỷ đồng, giải quyết việc làm trên 56.949 lao động trên địa bàn thị xã. Ngoài khu công nghiệp có 72 dự án đầu tư được cấp phép. Các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn thị xã đã tạo động lực tích cực đến mở rộng quy mô sản xuất công nghiệp, thu hút nhà đầu tư, lao động và đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đô thị hóa trên địa bàn. Như vậy so với toàn tỉnh Tây Ninh thì trên địa bàn thị xã Trảng Bàng có số khu công nghiệp, khu chế xuất, diện tích đất công nghiệp lớn nhất; có tỷ lệ lấp đầy ở một số khu công nghiệp thuộc nhóm cao trong tỉnh.

- Tiểu thủ công nghiệp: hiện nay trên địa bàn thị xã có 70 hộ làm nghề bánh tráng với 350 lao động, nghề mây tre đan có 22 hộ với 86 lao động và nghề rèn với 43 cơ sở, phần lớn có quy mô sản xuất vừa và nhỏ. Nhìn chung, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn chỉ mới tham gia vào công đoạn giản đơn trong chuỗi giá trị sản xuất. Trình độ công nghệ của sản xuất công nghiệp trên địa bàn mặc dù có sự cải thiện, đầu tư mở rộng quy mô, cải tiến mẫu mã, đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và sức cạnh tranh trên thị trường nhưng nhìn chung, trình độ công nghệ của ngành công nghiệp chưa cao, chỉ ở mức trung bình. Bởi vì, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chủ yếu tham gia vào các ngành sản xuất giày dép, may mặc, chế biến gỗ, vv… với trình độ công nghệ chỉ trên mức trung bình. Còn các doanh nghiệp cơ khí chỉ sản xuất một số linh kiện, phụ tùng, chi tiết đơn giản với trang thiết bị và công nghệ chưa phải là hiện đại.

- Những nỗ lực của thị xã trong giai đoạn 2020-2025 đã giúp nâng dần tỷ trọng công nghiệp và giúp lĩnh vực này đem lại nhiều đóng góp hơn cho phát triển kinh tế xã hội so với giai đoạn trước đó.

- Ngành nghề, dịch vụ: trên địa bàn thị xã Trảng Bàng hiện có 10 chợ, 1 siêu thị Coopmart, 08 cửa hàng Bách hóa xanh và 35 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, nhìn chung về cơ bản đáp ứng được nhu cầu mua sắm của người dân. Hiện thị xã Trảng Bàng đang có nhiều nhà đầu tư là các công ty, tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đang có văn bản đề nghị được khảo sát, nghiên cứu để đầu tư.

Thị xã Trảng Bàng đã hoàn thiện Đề án phát triển du lịch thị xã Trảng Bàng - Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo xu hướng du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và xây dựng chương trình bảo vệ làng nghề truyền thống,... Đến nay, trên địa bàn thị xã có 5 khách sạn, 1 homestay và trên 100 nhà nghỉ phục vụ nhu cầu lưu trú cho khách du lịch và người dân địa phương; đặc sản bánh canh Trảng Bàng được kết nối, đưa vào thực đơn khách sạn 5 sao Grand Sài Gòn để giới thiệu với người dân và du khách quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh; các sản phẩm: rau rừng, muối tôm cũng được đưa vào bán tại hệ thống siêu thị của Satra và big C,...

**4.3.3. Thu nhập bình quân và tỷ lệ hộ nghèo**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Tiêu chí 10: Thu nhập bình quân 68 triệu đồng/người/năm (2024).*

*Tiêu chí 11: Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 < 0,5%.*

**b) Kết quả thực hiện**

 ***Tiêu chí 10* -** *Thu nhập bình quân 68 triệu đồng/người/năm:* thu nhập bình quân một nhân khẩu của hộ dân cư trên địa bàn nông thôn thuộc thị xã Trảng Bàng đạt 79,705 triệu đồng/người/năm. Thị xã Trảng Bàng là địa phương có thu nhập bình quân đầu người tương đối cao so với các huyện, thị xã trong tỉnh.

***Tiêu chí 10* -** *Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025:* thị xã Trảng Bàng luôn quan tâm triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề nông thôn, giúp cho các hộ nghèo có việc làm, nâng cao thu nhập, song song đó, vận động các nguồn lực từ xã hội chăm lo cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo chuẩn Trung ương. Đến cuối năm 2024, theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn 04 xã có 07 hộ nghèo chuẩn Trung ương, 24 hộ cận nghèo đa chiều, tỷ lệ 0,23%.

(*Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

Đánh giá: 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 10 - Thu nhập; tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.3.4. Về lao động**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 12.1 - Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 80%.*

*Chỉ tiêu 12.2 - Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 30%.*

**b)****Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 12.1****- Tỷ lệ lao động qua đào tạo*: trên địa bàn 04 xã có 32.374 lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ở trong và ngoài địa bàn, số lao động qua đào tạo là 27.610/32.374 người, đạt 85,3%.

***Chỉ tiêu 12.2*** *- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:* trên địa bàn 04 xã có số lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ 10.079/32.374 người, đạt 31,1%.

(*Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 12 - Lao động theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.3.5. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 13.1 - Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng.*

*Chỉ tiêu 13.2 - Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi gắn với tiêu thụ nông sản.*

*Chỉ tiêu 13.3 - Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.*

*Chỉ tiêu 13.4 - Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.*

*Chỉ tiêu 13.5 - Có Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.*

**b*)* Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 13.1*** *- Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng*

Có 04 hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn 04 xã hoạt động hiệu quả, có ứng dụng công nghệ trong sản xuất, mở rộng thị trường kinh doanh, đặc biệt là hợp tác xã (HTX) đã chủ động liên kết trong sản xuất, tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tăng thu nhập cho các thành viên, 04 HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012 (đang trong quá trình tổ chức lại hoạt động theo Luật HTX năm 2023) trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ nông nghiệp; chế biến hàng nông sản. Các HTX hoạt động hiệu quả, góp phần tạo việc làm cho xã viên, hoạt động sản xuất, kinh doanh từ khi thành lập đều có lãi và đang được mở rộng trồng đến một số nơi khác trên địa bàn tỉnh*.*

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

 ***Chỉ tiêu 13.2* -** *Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi gắn với tiêu thụ nông sản:* trên địa bàn04 xã có 04 HTX (HTX Dịch vụ Nông nghiệp Phước Bình, HTX Dịch vụ Thủy lợi nông nghiệp Hưng Thuận, HTX Dịch vụ Nông nghiệp Minh Thành và HTX DV NN Việt) thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản với Công ty lúa Vàng Việt.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.3*** *- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương:* trên địa bàn thị xã Trảng Bàng có sản phẩm chủ lực là lúa, cây ăn quả đã áp dụng chuyển đổi số thực hiện truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng và đạt tiêu chuẩn VietGAP; có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm với HTX trên địa bàn.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.4*** *- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển
làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường:* trên
địa bàn 04 xã của thị xã Trảng Bàng hiện nay không có làng nghề hoặc làng nghề truyền thống.

***Chỉ tiêu 13.5*** *- Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả*

UBND 04 xã đã thành lập tổ khuyến nông cộng đồng; các tổ đã triển khai và hoạt động hiệu quả, đạt ít nhất 06/10 nội dung; các thành viên tích cực, chủ động học hỏi, nâng cao kiến thức về sản xuất để hướng dẫn, hỗ trợ người dân xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế; thường xuyên quan tâm, theo dõi tình hình sản xuất trên địa bàn, kịp thời hỗ trợ, tư vấn, giải đáp thắc mắc cho nông dân.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường**

**4.4.1. Về giáo dục và đào tạo**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 14.1 - Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (đạt); đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, trẻ 6 tuổi vào lớp 1* ≥ 98%*; phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; Trung tâm học tập cộng đồng loại tốt.*

*Chỉ tiêu 14.2 - Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)* ≥ 90%.

**b)** **Kết quả thực hiện:**

***Chỉ tiêu 14.1*** *- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, trẻ 6 tuổi vào lớp 1; phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; Trung tâm học tập cộng đồng loại tốt:* 04/04 xã đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xóa mù chữ, cụ thể như sau:

- Phổ cập mầm non trẻ 5 tuổi: năm học (2023-2024) trẻ 5 tuổi trên địa bàn 04 xã ra lớp đạt 99,4% (651/655 trẻ).

- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

- Trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: đạt 100%.

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2;

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;

- Cộng đồng học tập hàng năm được đánh giá xếp loại Tốt.

*(Kết quả đánh giá tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 14.2*** *– Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt từ 90% trở lên:* có 532/576 học sinh đã tốt nghiệp THCS vào học THPT, bổ túc THPT và Trường Dạy nghề, đạt tỷ lệ 92,4%*.*

*(Kết quả đánh giá tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.4.2. Về Y tế**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

 *Chỉ tiêu 15.1 - Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ), đạt ≥ 90%.*

*Chỉ tiêu 15.2 - Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.*

*Chỉ tiêu 15.3 - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ≤ 14.5%.*

 *Chỉ tiêu 15.4 - Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 15.1*** *- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):* theo số liệu cung cấp của Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng số người tham gia bảo hiểm y tế ở 04 xã là 47.567/49.011 người, đạt 97,1%.

***Chỉ tiêu 15.2*** *- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế:* trên địa bàn thị xã Trảng Bàng có 01 Trung tâm Y tế thị xã, 04 Trạm y tế xã, 06 trạm Y tế phường, 02 phòng khám đa khoa. Các cơ sở y tế hoạt động theo đúng quy định của Bộ Y tế; đã triển khai thực hiện tốt công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, các dự án và chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được nâng cao, các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số được triển khai thực hiện hiệu quả. 100% số xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

Các Trạm Y tế xã, phường được đầu tư xây dựng, nâng cấp về cơ sở vật chất, có đủ phòng chức năng, trang thiết bị, dụng cụ và cơ số thuốc tương đối đáp ứng được nhu cầu khám và chữa bệnh Bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Trạm y tế 04 xã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

***Chỉ tiêu 15.3*** *- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy sinh dưỡng thể thấp còi* *(chiều cao theo tuổi)* của 04 xã năm 2024 là 174 trẻ/2.193 trẻ, chiếm 8%.

*(Kết quả đánh giá tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 15.4*** *-**Xã triển khai thực hiện sổ sức khoẻ điện tử: 0*4/04 xã đã có các văn bản theo thẩm quyền triển khai thực hiện; các trạm y tế đã chuẩn bị đủ về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, máy vi tính có kết nối mạng Internet, cài đặt, ứng dụng phần mềm thực hiện khám chữa bệnh từ xa; đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng thành thạo các phần mềm; có phần mềm (VNPT) kết nối với BHXH tỉnh và phần mềm kết nối với Công an tỉnh (đang triển khai thí điểm tích hợp trên VNeID).

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 15 - Y tế theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.4.3. Về Văn hoá**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, ấp văn hóa > 70%; gia đình văn hóa > 80%.*

**b) Kết quả thực hiện**

*- Ấp văn hóa*: trên địa bàn 04 xã có 34/34 ấp đã được công nhận danh hiệu ấp văn hóa theo quy định, đạt 100%; 04/04 xã được công nhận danh hiệu "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới", đạt 100%. Các hoạt động văn hóa-thông tin, tuyên truyền có nhiều đổi mới, đa dạng về hình thức, chất lượng không ngừng được nâng cao, công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được gắn với nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới, triển khai đến từng xã, từng ấp, từng hộ gia đình bằng nhiều hình thức; 100% các ấp đã tiến hành điều chỉnh hương ước, quy ước, bổ sung các thiết chế văn hóa tại Nhà Văn hóa các ấp. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả thiết thực.

*- Gia đình văn hóa:* gia đình văn hóa trên địa bàn 04 xã có 12.060 hộ/12.735 hộ, đạt tỷ lệ 94,7%.

 (*Kết quả đánh giá tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 16 - Văn hoá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.4.4. Môi trường và an toàn thực phẩm**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu* *17.1 - Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥ 55%.*

*Chỉ tiêu 17.2 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường*.

*Chỉ tiêu* 17.3 **-** *Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung (đạt).*

*Chỉ tiêu* *17.4 - Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ≥ 2 m2/người.*

*Chỉ tiêu* *17.5 - Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.*

*Chỉ tiêu* *17.6 - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định (đạt trên 90%).*

*Chỉ tiêu* *17.7 - Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (100%)*.

*Chỉ tiêu* *17.8 - Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ≥ 90%.*

*Chỉ tiêu* *17.9 - Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ≥ 80%.*

*Chỉ tiêu* *17.10 - Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: đạt 100%.*

*Chỉ tiêu* *17.11 - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn**≥30%.*

*Chỉ tiêu* *17.12 - Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (≥65%).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 17.1*** *- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥ 55%:* tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn tại 04 xã Hưng Thuận, Phước Chỉ, Phước Bình và Đôn Thuận của thị xã Trảng Bàng đạt 77,2% (10.109 hộ/13.097 hộ).

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.2*** *- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:* trên địa bàn 04 xã có 227 cơ sở sản xuất - kinh doanh, trong đó: có 146 cơ sở thuộc diện phải lập hồ sơ môi trường; 86 cơ sở không thuộc trường hợp phải lập hồ sơ; 05 cơ sở ngưng hoạt động. UBND các xã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, tiến hành kiểm tra các cơ sở đang hoạt động ổn định và thực hiện đúng theo hồ sơ môi trường đã được xác nhận, cấp phép và phê duyệt, đạt 100%. Tất cả các cơ sở có xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải đúng quy định; không có cơ sở nào bị khiếu nại hoặc phản ánh từ người dân xung quanh; 04/04 xã không có làng nghề; 03/04 xã không có cơ sở nuôi trồng thủy sản, xã Hưng Thuận có 01 cơ sở nuôi trồng thủy sản nhưng đã ngưng hoạt động.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.3* -** *Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung*

*- Về thành lập tổ tự quản bảo vệ môi trường:* UBND 04xã thành lập Tổ tự quản bảo vệ môi trường tại 34/34 ấp và có quy ước khu dân cư cộng đồng về bảo vệ môi trường.

*- Đối với hệ thống cây xanh:* diện tích cây xanh trên địa bàn 04 xã là 233.200 m2/ 48.216 người, đạt 4,83 m2/người.Số hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh đạt 9.782 hộ/9.782 hộ, đạt 100%.

*- Đối với hệ thống ao, hồ, sinh thái:* trên địa bàn xã không có ao, hồ, sinh thái; có 82,2 ha chủ yếu là ao nuôi cá.

*- Đối với đường làng, ngõ xóm:* kế hoạch bêtông hóa, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường nội bộ trong xã đã đạt được: đường trục xã có 50,626 km/50,626 km ; đường trục ấp: có 44,736 km/44,736 km; đường trục xóm:có 46,561 km/46,561 km; đường trục chính nội đồng: có 109,538 km/109,538 km.

*- Đối với khu vực công cộng:* UBND 04 xã vận động người dân dọc các tuyến giao thông ủng hộ tiền, đất và công sức thường xuyên làm vệ sinh khu vực ven đường (phần trước nhà mình) như phát quang bụi rậm, dọn cỏ, khai thông cống rãnh thoát nước, không xả và đốt rác tại ven đường giao thông, cải tạo vườn tạp, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ đắp đường không để xảy ra tình trạng lầy lội…

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.4*** *- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ≥2 m2/người:* đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn tại 04 xã được trồng phân bố trên các đường liên ấp và các đường nội đồng, đạt bình quân 3,33 m2/người. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.5* -** *Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:* trên địa bàn 04 xã có 05 nghĩa trang được quy hoạch gắn với quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới. Xã Hưng Thuận có nghĩa trang tại ấp Tân Thuận; xã Phước Chỉ có nghĩa trang tại ấp Phước Hòa; xã Đôn Thuận có nghĩa trang Sóc Lào; xãPhước Bình có 02 nghĩa trang tại ấp Bình Phú và ấp Phước Tân và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về vệ sinh trong mai táng, hỏa táng. Xã có ban hành quy chế quản lý, sử dụng nghĩa trang; quy định về thời gian mai táng hình thức mai táng đã được mọi người đồng tình thống nhất thực hiện theo quy ước khu dân cư hàng năm đề ra, vệ sinh môi trường sau mai táng, trồng cây xanh xung quanh nghĩa trang.

***Chỉ tiêu 17.6*** - *Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định* (*≥90%)*

Các xã đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân phân loại chất thải rắn (CTR). Các hộ dân ký hợp đồng với là Công ty TNHH Như Mười và Công ty TNHHMTV Quang Sáu Trảng Bàng thu gom chất thải rắn, tần suất thu gom: 02 - 03 lần/tuần, bằng xe thu gom chuyên dụng. Khu dân cư tập trung trên các tuyến đường chính của 04 xã bố trí thùng rác bằng nhựa dọc 02 bên đường và bố trí thùng rác xung quanh khu vực các chợ để thu gom. Hiện tại, UBND các xã đã bố trí bãi tập kết rác tạm thời để lưu chứa chất thải có diện tích 200m2/bãi, nền cao hơn mặt đất tự nhiên 30cm, được bê tông hóa, có mái che và có bố trí các rãnh thoát nước xung quanh. Vị trí bãi tập kết rác tạm thời cách khu vực tập trung dân cư 300m, đảm bảo thuận tiện về giao thông cũng như giữ vệ sinh chung của khu vực. Bãi tập kết này để phòng ngừa trường hợp số lượng rác quá tải, không kịp thu gom xử lý. Rác công nghiệp thông thường không nguy hại, các cơ sở sản xuất, kinh doanh sẽ được thu gom và xử lý đúng quy định; chất thải xây dựng tái sử dụng, tráng nền, san lấp mặt bằng,...; phụ phẩm nông nghiệp phát sinh (như rơm, rạ, tro, trấu, vỏ, củ, quả,…) của mỗi hộ dân phát sinh trong quá trình trồng trọt sẽ tự thu gom, phân loại bán cho các đơn vị thu mua trong khu vực, phần còn lại người dân tận dụng làm phân xanh cho đất nông nghiệp, không thải bỏ. Tổng CTR sinh hoạt được thu gom và xử lý của 04 xã: 24,14/24,12 tấn/ngày, đạt 100%. Tổng CTR không nguy hại được thu gom và xử lý đạt 100%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.7* -** *Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (100%)*

- Đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng*,* các xã phối hợp ngành chuyên môn và các tổ chức chính trị - xã hội, hàng năm có 02 đợt tổ chức thu gom, xử lý; lắp các cống đường kính 0,5m3 chứa vỏ, bao thuốc bảo vệ thực vật, có trang bị đáy, nắp đậy kín đáo và gắn biển báo chất thải nguy hại, số lượng vỏ, chai thuốc bảo vệ thực vật phát sinh được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt 100%.

-Đối với chất thải rắn y tế: các cơ sở y tế trên địa bàn thị xã Trảng Bàng đã thực hiện phân loại, thu gom vận chuyển về Trung tâm y tế Trảng Bàng xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ: Y tế, Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. 100% nhân viên y tế thực hiện đúng quy trình quản lý chất thải y tế; đảm bảo an toàn cho nhân viên khi thực hiện công tác quản lý chất thải y tế; chất thải y tế thông thường được phân loại, thu gom riêng biệt với chất thải y tế nguy hại; chất thải y tế nguy hại được phân loại, thu gom riêng biệt với CTR công nghiệp thông thường và CTR sinh hoạt trước khi đưa vào khu vực lưu giữ tại cơ sở phát sinh theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế; 100% khối lượng phát sinh được thu gom, xử lý; các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại; công trình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đáp ứng yêu cầu theo quy định.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.8* -** *Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ≥ 90%:* có 12.834/13.176 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 97,4%, tăng 21,08 % so với năm 2011.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.9* -** *Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ≥ 80%:* trên địa bàn 04xã có 927 cơ sở, hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm. Qua kiểm tra, đánh giá có 867/927 cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt 93,5%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.10*** - *Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (100%):* hằng năm UBND thị xã Trảng Bàng ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện đến các phường, xã; phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể triển khai ký cam kết đến 100% chủ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn các xã. Các cơ sở chấp hành tốt các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. Hiện các xã đang triển khai xây dựng xã an toàn thực phẩm theo tiêu chí của tỉnh Tây Ninh.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.11*** *- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn**≥30%:* Các xã đãtriển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định, trong đó UBND các xã hướng dẫn cụ thể việc phân loại chất thải rắn thông qua tuyên truyền, vận động hoặc đưa vào quy ước, hương ước của địa phương.

Số hộ dân thực hiện phân loại rác tại nguồn trên địa bàn 04 xã là 7.632/13.176 hộ, đạt tỷ lệ 57,9%.

 (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu* *17.12***- *Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (≥65%)*:từ kết quả tuyên truyền, hướng dẫn, vận động hộ dân thực hiện phân rác tại nguồn, các xã có tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý đạt 100% *(1.841,8 kg/1.841,8 kg).*

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

**c) Đánh giá**: 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 17- Môi trường và an toàn thực phẩm theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội**

**4.5.1. Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 18.1 - Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.*

 *Chỉ tiêu 18.2 - Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.*

*Chỉ tiêu 18.3 - Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 100%.*

 *Chỉ tiêu 18.4 - Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.*

 *Chỉ tiêu 18.5 - Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.*

 *Chỉ tiêu 18.6 - Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp.*

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

***Chỉ tiêu 18.1*** *- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn:* tổng số cán bộ, công chức 04 xã là 79/79 người đạt chuẩn theo quy định.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.2*** *- Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên*: có 03 Đảng bộ, chính quyền của 04 xã được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ; 01 Đảng bộ, chính quyền được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.3***- *Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:* 05/05 tổ chức chính trị - xã hội của 04 xã được xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.4*** *- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định:* 04/04 xã ban hành đầy đủ văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP, trong đó: ban hành 04 văn bản quy phạm pháp luật; 1.074/1.074 văn bản hành chính đúng quy định pháp luật, đạt tỷ lệ 100%.

Niêm yết, công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ các nội dung: Kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; Kế hoạch bầu cử; công khai ngân sách…

Công tác cung cấp thông tin được UBND xã quan tâm thực hiện; có mở sổ theo dõi việc cung cấp thông tin, có mẫu yêu cầu cung cấp thông tin; UBND xã ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng nhu cầu thực tế tại địa phương, đảm bảo nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở được quan tâm, chú trọng; các văn bản pháp luật, chính sách mới ban hành được tuyên truyền, phổ biến kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú; các tổ hòa giải ở cơ sở thường xuyên được củng cố đạt tỷ lệ 100%; công tác bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho hòa giải viên cơ sở được thực hiện hàng năm, tỷ lệ hòa giải thành trung bình đạt 100%. UBND các xã đã rà soát, hướng dẫn, tuyên truyền cho 300/300 người thuộc diện người được trợ giúp pháp lý về chính sách trợ giúp pháp lý (đạt tỷ lệ 100%); có 24 trường hợp thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý và được Trung tâmTrợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh trợ giúp, đạt tỷ lệ 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.5*** *- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.*

Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình luôn được chú trọng và quan tâm; các xã có bố trí nữ là cán bộ chủ chốt, không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, có bố trí một phòng tại Trạm Y tế xã làm nhà tạm lánh cho nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng; có bố trí 01 công chức Lao động, Thương binh và Xã hội xã, kiêm nhiệm làm công tác bảo vệ trẻ em; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn các xã được trợ giúp hàng tháng; xã không có trẻ em bị xâm hại.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.6*** *- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp.*

UBND 04 xã đã xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, qua đó, giúp người dân nắm được các nội dung cơ bản về chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và mục đích, ý nghĩa, giải pháp xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. Đồng thời, phối hợp các phòng, ban chuyên môn tuyên truyền các chuyên đề về chuyển đổi số, mỗi xã một sản phẩm, cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn, phát triển du lịch nông thôn…

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.5.2. Về Quốc phòng và An ninh**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 19.1 - Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.*

*Chỉ tiêu 19.2- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 19.1*** *- Về xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng:* hằng năm, Ban Chỉ huy Quân sự 04 xã tham mưu cho Đảng ủy xã triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng dân quân tự vệ và các đơn vị liên quan (theo các quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ Quốc phòng). Các hoạt động này nhằm nâng cao hiệu quả công tác quốc phòng, an ninh, đồng thời đảm bảo tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân cũng được chú trọng, với kế hoạch cụ thể cho từng đối tượng, bao gồm việc bồi dưỡng kiến thức cho lực lượng dân quân tự vệ và tổ chức giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh. Các hoạt động này được triển khai theo Đề án số 1720/ĐA-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh và các kế hoạch liên quan của UBND cấp huyện, cấp xã, nhằm xây dựng lực lượng dân quân cơ động, dân quân tự vệ, dân quân tại chỗ và dân quân binh chủng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn 2021-2025.

Công tác tổ chức và quản lý công dân tham gia nghĩa vụ quân sự, dân quân và quân nhân dự bị đã được triển khai đúng quy định của pháp luật. Công tác đăng ký, xét duyệt và kết nạp dân quân mới được thực hiện đầy đủ, bảo đảm chất lượng và đúng thủ tục. Đặc biệt, 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đã hoàn thành, với chất lượng công dân đảm bảo sức khỏe, trình độ và phẩm chất đạo đức. Công tác huấn luyện, giáo dục chính trị và pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ dân quân được tổ chức nghiêm túc, đúng chương trình và thời gian quy định. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân đạt yêu cầu, 100% Tiểu đội trưởng dân quân thường trực và Trung đội trưởng dân quân cơ động tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, huấn luyện. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tham gia các hoạt động trên mạng xã hội như "Tôi yêu chiến sĩ sao vuông" và "Yêu người chiến sĩ dân quân tự vệ Việt Nam", góp phần đấu tranh với các thế lực thù địch trên không gian mạng. Công tác chính sách hậu phương quân đội cũng được thực hiện đúng quy định, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, không để xảy ra khiếu nại, tố cáo.

***Chỉ tiêu 19.2*** *- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.*

Hằng năm, Đảng ủy các xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Lực lượng Công an các xã đã kịp thời tham mưu Đảng ủy, UBND xã ban hành các Nghị quyết, kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; đã chỉ đạo kịp thời các ngành, đoàn thể trên địa bàn phối hợp thực hiện công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, công tác đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng nông thôn mới.

Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3, Điều 4, Thông tư số 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” như: hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng; tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự; hoạt động ly khai, đòi tự trị.

Trên địa bàn các xã không có tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vượt cấp trái pháp luật gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc các tội về xâm hại trẻ em.

Số vụ tội phạm về trật tự xã hội giảm ít nhất 05% so với năm trước; tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước. Năm 2024, số vụ tội phạm về trật tự xã hội so với năm 2023 của xã Phước Bình là 02/05 vụ (giảm 40%), xã Đôn Thuận là 07/08 vụ (giảm 12,6%), xã Hưng Thuận là 01/02 vụ (giảm 50%), xã Phước Chỉ là 04/05 vụ (giảm 20%) đạt chỉ tiêu kéo giảm tội phạm ít nhất 05%.

Trên địa bàn 04 xã có các mô hình: “Tổ dân cư tự quản”, “Vận động toàn dân tham gia tố giác, truy bắt tội phạm ở địa bàn khu dân cư”, “ Nhóm Zalo tuyên truyền phòng, chống tội phạm”. Các mô hình này được Công an các xã thường xuyên hướng dẫn, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động giúp cho lực lượng Công an làm rõ, xử lý nhiều vụ có liên quan an ninh, trật tự, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn.

04 xã không thuộc địa bàn xã phức tạp về trật tự an toàn xã hội theo Quyết định số 8793/QĐ-BCA ngày 26/12/2023 của Bộ Công an về ban hành tiêu chí xác định địa bàn phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội.

Đến thời điểm hiện tại lực lượng Công an 04 xã không có cán bộ chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật, nội bộ đoàn kết, các chỉ tiêu được giao đều đảm bảo, cơ bản đủ điều kiện đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

**c) Đánh giá:** 04/04 xã đạt, duy trì tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh- theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**5. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã**

Thị xã Trảng Bàng có 02/04 xã (Hưng Thuận, Phước Chỉ) đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 50%. Qua thẩm tra, rà soát, đến nay có 02 xã duy trì đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, Quyết định số 211/QĐ-TTg; Quyết định số 2180/QĐ-UBND, Quyết định số 1622/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

**5.1. Về quy hoạch**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 1.1-**Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.*

*Chỉ tiêu 1.2**- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.*

*Chỉ tiêu 1.3 - Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 1.1*** *Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch:* 02 xã cóquy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố, công khai đúng thời hạn; có kế hoạch tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt; có quy hoạch chung thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh, đảm bảo tiêu chí quy hoạch theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 1.2*** *- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch:* 02/04 xã đều có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn phê duyệt tại các Quyết định số: 8225/QĐ-UBND ngày 26/12/2022, 6359/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND thị xã Trảng Bàng.

 (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 1.3*** *- Có quy hoạch chi tiết:* 02 xãcó quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên và được công bố, công khai đúng thời hạn.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá**: 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 1 - Quy hoạch theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.2. Giao thông**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 2.1**- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh… theo quy định) đạt 100% (trong đó tỷ lệ trồng cây xanh đạt tối thiểu 50%).*

*Chỉ tiêu 2.2 - Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được cứng hoá và bảo trì hàng năm 100%, có hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt 100% (trong đó tỷ lệ trồng cây xanh đạt tối thiểu 50%).*

*Chỉ tiêu 2.3 - Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hoá, đảm bảo sáng - xanh – sạch – đẹp đạt ≥ 95%.*

*Chỉ tiêu 2.4 - Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hoá đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá đạt 100% (trong đó tỷ lệ cứng hoá tối thiểu đạt 60%).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 2.1*** *-**Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết:* 100% đường xã (10/10 tuyến, dài 26,02 km) trên địa bàn 02 xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh… theo quy định). Trong đó: 09/10 tuyến đường xã (24,22/26,02 km) được trồng cây xanh đúng theo quy định, đạt 93,1%.

 (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 2.2*** *- Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được cứng hoá và bảo trì hàng năm 100%, có hạng mục cần thiết theo quy định:* 100% đường ấp và đường liên ấp(29/29 tuyến dài 34,5 km) trên địa bàn 02 xã được cứng hoá và bảo trì hàng năm; có hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. Trong đó: 21/29 tuyến (21,891/34,5 km) được trồng cây xanh, đạt 63,5%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 2.3*** *- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hoá, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp đạt ≥ 95%:* có 55 tuyến, dài 27,82 km trên địa bàn 02 xã được cứng hoá, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt tỷ lệ 97,5% (27,12/27,82 km).

 (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 2.4*** *- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hoá đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá:* có 40/40 tuyến, dài 53,37 km trên địa bàn 02 xã được cứng hoá đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá, đạt tỷ lệ 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa đạt 90% (48,03/53,37 km).

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 2 - Giao thông theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 3.1 - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt ≥ 90%.*

*Chỉ tiêu 3.2**- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.*

*Chỉ tiêu 3.3 - Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định* (*≥ 40%).*

*Chỉ tiêu 3.4 - Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm theo quy định.*

*Chỉ tiêu 3.5 - Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.*

*Chỉ tiêu 3.6**- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt loại khá (đáp ứng yêu cầu theo quy định, kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm đến 85 điểm).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 3.1*** *- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:* 02 xã códiện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: 10.545,6/10.630 ha, đạt 99,2%; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu nước chủ động: 10.485,91/10.946,44 ha, đạt 95,8%; trên địa bàn 02 xã có 24,99 ha/24,99 ha diện tích nuôi trồng thủy sản đảm bảo cấp thoát nước chủ động, đạt tỷ lệ 100%.

*(Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 3.2*** *- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững:* có 01 Tổ thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững trên địa bàn xã Phước Chỉ; đối với xã Hưng Thuận có HTX dịch vụ thủy lợi nông nghiệp Hưng Thuận hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật HTX 2023; HTX có chức năng, nhiệm vụ thực hiện cung ứng dịch vụ điều tiết, quản lý nước tưới các công trình thủy lợi trong phạm vi địa bàn quản lý cho thành viên và các hộ dùng nước; làm dịch vụ cung ứng giống cây trồng; tiêu thụ nông sản cho các thành viên HTX.

 (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 3.3*** *- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:* hiện nay trên địa bàn 02 xã nâng cao có 02 loại cây trồng chủ lực (cây lúa và cây ăn quả); diện tích trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 10.445/10.445 ha, đạt 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 3.4*** *- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm:* hàng năm, 100% các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn đều được tổ chức kiểm tra, đánh giá và thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa theo quy định.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 3.5*** *- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi:* công trình thủy lợi trên địa bàn các xã do UBND xã quản lý, xung quanh các công trình thủy lợi không có các cơ sở sản xuất kinh doanh nên không phát sinh nguồn nước thải từ sinh hoạt, chăn nuôi, các hoạt động kinh doanh cũng như nuôi trồng thủy hải sản vào công trình thủy lợi.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 3.6*** *- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:* các hoạt động phòng chống thiên tai được triển khai theo phương châm 4 tại chỗ; kiện toàn, phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã; tổ chức tập huấn, thông tin, truyền thông cho lực lượng thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, Nhân dân khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai; rà soát, ban hành kịp thời kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 5 năm, phương án ứng phó thiên tai; xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai để chuẩn bị nhân lực, trang thiết bị; lồng ghép nội dung đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng; kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***c) Đánh giá:*** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 03 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.4. Điện**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 4*** *- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (100%).*

**b) Kết quả thực hiện**

Hệ thống điện trên địa bàn 02 xã được ngành Điện lực thường xuyên kiểm tra, rà soát, thực hiện đầu tư, cải tạo và nâng cấp. Tỷ lệ các hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ nguồn đạt 100% (5.405 hộ/5.405 hộ) đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 04 - Điện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.5. Giáo dục**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 5.1 - Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.*

*Chỉ tiêu 5.2 - Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi.*

*Chỉ tiêu 5.3 - Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (mức độ 3).*

*Chỉ tiêu 5.4 - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.*

*Chỉ tiêu 5.5 - Cộng đồng học tập được đánh giá xếp loại Tốt.*

*Chỉ tiêu 5.6 - Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỷ năng, sức bền.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 5.1*** *- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2:* trên địa bàn 02 xãcó 07/07 trường học đạt 100% được công nhận đạt chuẩn quốc gia cơ sở vật chất mức độ 1, trong đó có 02/07 trường đạt chuẩn quốc gia cơ sở vật chất mức độ 2.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 5.2*** *- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi:* 02 xã duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt 99,6% trẻ 5 tuổi ra lớp (255/256 trẻ).

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 5.3* -** *Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (mức độ 3):* 02 xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn và duy trì chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 5.4*** *- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2:* 02 xã duy trì và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, trong độ tuổi 15 - 60 tuổi biết chữ trên địa bàn 02 xã có 15.021/15.337 người, đạt 97,94%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 5.5*** *- Cộng đồng học tập được đánh giá xếp loại Tốt:* cộng đồng học tập 02 xã hàng năm được đánh giá xếp loại Tốt.

***Chỉ tiêu 5.6* -***Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỷ năng, sức bền*: 100% các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn 02 xã có sân chơi phục vụ rèn luyện thể chất cho học sinh; hàng năm, 100% trường học có kế hoạch và triển khai chương trình rèn luyện kỹ năng bơi và phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho trẻ em, học sinh.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 05 - Giáo dục và đào tạo theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.6. Văn hóa**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 6. 1* **-** *Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.*

*Chỉ tiêu 6.2 - Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.*

*Chỉ tiêu 6.3 - Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 6.1* -** *Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên*: trên địa bàn 02 xã có 10 điểm công cộng được lắp các dụng cụ luyện tập thể dục thể thao ngoài trời.

Các Câu lạc bộ (CLB) trên địa bàn 02 xã được thường xuyên tổ chức các hoạt động như: CLB Hát với nhau, CLB Đờn ca tài tử và có CLB thể thao quần chúng (bóng đá; bóng chuyền; võ thuật Teakwondo; cờ tướng; thể dục dưỡng sinh). Đối với các hoạt động văn hóa, thể thao do thị xã Trảng Bàng tổ chức, các xã cử đội thi tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao đảm bảo theo quy định.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 6.2*** *- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định:* có 06di sản văn hóa (01 di tích cấp Quốc gia (Căn cứ Rừng Khỉ); 03 di tích cấp tỉnh (Ngôi mộ ông Cả “ Đặng Văn Trước”; Bia “Chứng tích Cầu Xe”; Đình “Đôn Thuận-Hưng Thuận”); 02 di tích Rạch Tràm - Phước Chỉ, Đình Phước Chỉ. Các di tích trên địa bàn 02 xã được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 6.3* -** *Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:* các ấp đã triển khai thực hiện tốt phong trào xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa. Có 18/18 ấp trên địa bàn 02 xã được Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh công nhận và giữ vững danh hiệu ấp văn hóa, đạt 100%; có 5.049/5.256 hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt 96,1%; có Quyết định công nhận, khen thưởng các hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa 3 năm liên tục (2021-2023), đạt 17,6%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 06 - Văn hóa theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.7.** **Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

 **a) Yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 7*** *- Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.*

**b) Kết quả thực hiện**

Đã đầu tư xây mới 01 chợ trên địa bàn xã Hưng Thuận đảm bảo về mặt bằng, diện tích xây dựng, kết cấu nhà chợ chính và các yêu cầu về bộ phận phụ trợ, kỹ thuật công trình, điều hành quản lý chợ hoạt động. Trên địa bàn xã Phước Chỉ không có chợ, có 04 cửa hàng tạp hóa kinh doanh tổng hợp đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân tại địa phương đạt chuẩn quy định. Hệ thống chợ, cửa hàng tạp hóa kinh doanh tổng hợp trên địa bàn 02 xã đã góp phần đảm bảo an sinh xã hội, công việc kinh doanh của các hộ kinh doanh, đồng thời đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi, lưu thông hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 07 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.8. Thông tin và truyền thông**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 8.1 - Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.*

*Chỉ tiêu 8.2 - Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh ≥ 80%.*

*Chỉ tiêu 8.3 - Có dịch vụ báo chí truyền thông.*

*Chỉ tiêu 8. 4- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.*

*Chỉ tiêu 8.5 - Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 8.1*** *- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:* 02 xã có Bưu điện văn hóa xã phục vụ nhu cầu liên lạc và phục vụ bưu chính, viễn thông cho người dân, điểm phục vụ bưu chính có trang bị máy tính có kết nối internet, nhân viên bưu chính có khả năng phục vụ và hỗ trợ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 8.2*** *- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh ≥ 80%:* dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh 10.864/12.798 người, đạt 84,9%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 8.3*** *- Có dịch vụ báo chí truyền thông:* 02 xã có 2 hệ thống loa truyền có dây phủ rộng đến 18/18 ấp, đảm bảo 100% người dân được tiếp cận thông tin qua các phương tiện thông tin tuyên truyền khác như: Zalo của xã, nhóm Zalo ấp,....; đảm bảo các thông tin, tuyên truyền về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước được người dân tiếp cận.

- 100% hộ gia đình xem được truyền hình thông qua các phương thức truyền hình: vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; hệ thống cáp quang bao phủ 18/18 ấp. Tại bưu điện văn hóa và Nhà văn hóa ấp đều có tủ sách pháp luật phục vụ nhu cầu của người dân.

***Chỉ tiêu 8.4*** *- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới*

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của 02 xã đạt trên 60%.

+ Cán bộ, công chức 02 xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100%.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 70%.

+ 02 xã có 02/02 sản phẩm OCOP được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử, đạt 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 8.5***- *Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng):* 02 xã đã thiết lập mạng wifi miễn phí tại trụ sở UBND xã, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng xã, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa 18/18 ấp phục vụ công tác quản lý, điều hành của xã và phục vụ miễn phí cho người dân. Bên cạnh đó, tại một số cửa hàng kinh doanh ăn, uống trên địa bàn xã có hệ thống mạng wifi phục vụ truy cập miễn phí cho khách hàng, người dân nếu có nhu cầu.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 08 - Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.9. Nhà ở dân cư**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

 ***Tiêu chí 9*** *-**Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ≥ 97%.*

**b) Kết quả thực hiện**

Có 5.389/5.406 căn nhà kiên cố hoặc bán kiên cố trên địa bàn 02 xã, đạt tỷ lệ 99,71%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 9 - Nhà ở theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.10. Thu nhập**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

 ***Tiêu chí 10*** - *Đạt 84 triệu đồng/người/năm (năm 2024).*

**b) Kết quả thực hiện**

Qua kết quả điều tra thu nhập bình quân trên địa bàn 02 xã đạt 85,6 triệu đồng/người/năm.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 10 - Thu nhập theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.11.Về nghèo đa chiều**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 11****- Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 dưới 0,3%.*

**b) Kết quả đạt được**

Trên địa bàn 02 xãcó 08/5.386 hộ nghèo đa chiều, tỷ lệ 0,15%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 11- Nghèo đa chiều theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.12. Về lao động**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 12.1 - Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 85%.*

*Chỉ tiêu 12.2 - Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 35%.*

**b) Kết quả đạt được**

***Chỉ tiêu 12.1*** *- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 85%:* căn cứ kết quả rà soát, thống kê, 02 xã có lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ở trong và ngoài địa bàn là 13.613 lao động, số lao động qua đào tạo là 11.876 người, đạt 87,24%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 12.2*** *- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 35%:* căn cứ vào kết quả điều tra thu thập dữ liệu lao động, 02 xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) là 4.890/13.613 người, đạt 35,92%.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí 12- Lao động theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 13.1 - Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định ≥1.*

*Chỉ tiêu 13.2 - Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.*

*Chỉ tiêu 13.3 - Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.*

*Chỉ tiêu 13.4 - Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.*

*Chỉ tiêu 13.5 - Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.*

*Chỉ tiêu 13.6 - Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.*

*Chỉ tiêu 13.7 - Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.*

*Chỉ tiêu 13.8 - Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 13.1*** *- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định ≥ 1:* tại 02 xã có 02 HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2023 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ nông nghiệp; chế biến hàng nông sản; sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản. Các HTX hoạt động hiệu quả, có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định, góp phần tạo việc làm cho thành viên, hoạt động sản xuất, kinh doanh từ khi thành lập đến nay đều có lãi.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục I kèm theo)*.

***Chỉ tiêu 13.2*** *- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn:* trên địa bàn xã Hưng Thịnh và xã Phước Chỉ có 02 sản phẩm OCOP 03 sao còn thời hạn theo các Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP đợt 2 năm 2022; Quyết định số 5605QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND thị xã Trảng Bàng phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thị xã Trảng Bàng năm 2023; đã được đưa lên sàn giao dịch thương mại điện tử OCOP của tỉnh.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.3*** *- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm:* có mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP của 02 Hợp tác xã trên địa bàn, với 33 hộ tham gia, tổng diện tích 58,88 ha. Sản phẩm được công nhận đạt OCOP 3 sao, thực hiện ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc theo mã số vùng trồng và được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

 (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.4*** *- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã:* có sản phẩm chủ lực là cây lúa được ứng dụng phần mềm truy xuất nguồn gốc.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.5*** *- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử:* có 02/08 sản phẩm chủ lực được bán qua kênh thương mại điện tử, đạt 25%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.6*** *- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng:* hiện nay cóHợp tác xã Dịch vụ Thủy lợi Nông nghiệp Hưng Thuận, đã thực hiện ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc theo mã số vùng trồng VN-72-712-25714-1-22 và Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Phước Hòa, trồng cây lúa được tỉnh cấp Giấy xác nhận Mã số vùng trồng VN-72-712-25738-22-23.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.7*** *- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội:* 02 xã có xây dựng chuyên mục du lịch và triển khai quảng bá địa chỉ điểm du lịch trên địa bàn xã và đã đăng trên cổng thông tin điện tử của thị xã Trảng Bàng và chuyên trang của UBND xã Hưng Thuận, Phước Chỉ. Ngoài ra còn tuyên truyền qua mạng xã hội (Facbook tuổi trẻ Hưng Thuận , Phước Chỉ, Zalo …).

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.8*** *-**Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường):* có mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP của Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Phước Hòa; mô hình du lịch trải nghiệm nông thôn La’s Farmstay của ông La Quốc Phong. Đây là mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, đảm bảo đạt 02-03 tiêu chí gồm: tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; không gây ô nhiễm môi trường; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập; giữ gìn bản sắc văn hóa.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.14. Y tế**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 14.1 - Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 95%.*

*Chỉ tiêu 14.2 - Xã triển khai thực hiện quản lý sức khoẻ điện tử*

*Chỉ tiêu 14.3 - Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.*

*Chỉ tiêu 14.4 - Xã triển khai thực hiện tốt sổ sức khoẻ điện tử.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 14.1*** *- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 95%:* trên địa bàn 02 xã có số người tham gia bảo hiểm y tế là 19.419/19.945 người, tỷ lệ 97,36%.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 14.2*** *- Xã triển khai thực hiện quản lý sức khoẻ điện tử:* 02xã đã triển khai thực hiện quản lý sức khoẻ điện tử (theo Hướng dẫn tại Công văn số 3081/SYT-KHTC ngày 30/7/2024 của Sở Y tế); ban hành các văn bản theo thẩm quyền triển khai thực hiện; các trạm y tế đã chuẩn bị cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin, trang bị máy vi tính có kết nối mạng Internet, cài đặt, ứng dụng phần mềm thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử; đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng phần mềm; có phần mềm (VNPT) kết nối với Bảo hiểm xã hội tỉnh và phần mềm kết nối với Công an tỉnh (đang triển khai thí điểm tích hợp trên VNeID).

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 14.3****- Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa:* 02 xã đã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.

 (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 14.4-*** *Xã triển khai thực hiện tốt sổ sức khoẻ điện tử:* 02 xã đã triển khai thực hiên tốt sổ sức khoẻ điện tử.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

 **c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí 14 - Về Y tế theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

 **5.15. Hành chính công**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*- Chỉ tiêu 15.1 - Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.*

*- Chỉ tiêu 15.2 - Có dịch vụ công trực tuyến một phần.*

*- Chỉ tiêu 15.3 - Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 15.1*** *- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC):* tất cả TTHC được tiếp nhận và giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đúng quy định tại Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh. Đồng thời tiếp nhận và giải quyết trên phần mềm một cửa điện tử tại địa chỉ <https://motcua.tayninh.gov.vn/>. Dịch vụ chứng thực bản sao điện tử thực hiện từ đầu năm 2022, thực hiện số hóa.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 15.2*** *- Có dịch vụ công trực tuyến một phần:* 02 xã có cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình; có phát sinh hồ sơ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, có tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt trên 50%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 15.3*** *- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp:* có 100% TTHC được công khai đúng quy định bằng nhiều hình thức như: công khai trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bằng giấy), công khai trên Cổng thông tin điện tử của xã, công khai trên Cổng dịch vụ công Tây Ninh, hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Chỉ số cải cách hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính từ năm 2020 đến nay đều đạt loại tốt. Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trong các năm 2020; 2021; 2022; 2023; 2024 luôn đạt mức độ hài lòng cao. Không có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tại 02 xã. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí 15- Hành chính công theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.16. Tiếp cận pháp luật**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 16.1 - Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.*

*Chỉ tiêu 16.2 - Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành (đạt ≥ 90%).*

*Chỉ tiêu 16.3 - Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu (đạt ≥ 90%).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 16.1*** *- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.*

*- Mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật:* 02xã có 04 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó, có 03 mô hình được Chủ tịch UBND thị xã Trảng Bàng khen thưởng thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện mô hình “Tuyên truyền pháp luật cho học sinh tại các điểm trường trên địa bàn xã Phước Chỉ vào ngày Chào cờ đầu tuần” và mô hình “Cấp phát tài liệu tuyên truyền cho học sinh vào Tiết sinh hoạt chủ nhiệm vào các ngày cuối tuần” tại Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 và mô hình “Nhóm zalo của những người hoạt động không chuyên trách” tại Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 26/10/2022.

*- Mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở:* có 02 mô hìnhhòa giải ở cơ sở thực hiệntheo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP, có hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hoà giải cơ sở được Chủ tịch UBND thị xã Trảng Bàng khen thưởng thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện cho 02 mô hình: “Hòa giải gắn với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới” tại Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 và mô hình “giải pháp UBND xã phối hợp với Hội Luật gia thị xã trực tiếp tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở” tại Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 28/9/2023.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 16.2*** *- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành (đạt ≥ 90%).*

Các Tổ hòa giải trên địa bàn 02 xã đã tiếp nhận và hòa giải 19 vụ, kết quả hoà giải thành 19/21 vụ, đạt 90,48%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 16.3* -** *Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu (đạt ≥ 90%)*

02 xã đã hướng dẫn, tuyên truyền cho 160/160 người thuộc diện người được trợ giúp pháp lý; có 08 trường hợp thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước hỗ trợ, đạt 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02xã đạt, duy trì tiêu chí số 16 - về Tiếp cận pháp luật theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.17. Môi trường**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*- Chỉ tiêu 17.1 - Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.*

*- Chỉ tiêu 17.2 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.*

*- Chỉ tiêu 17.3 - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt ≥ 98%.*

*- Chỉ tiêu 17.4 - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt ≥ 50%.*

*- Chỉ tiêu 17.5 - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt ≥ 50%.*

*- Chỉ tiêu 17.6 - Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.*

*- Chỉ tiêu 17.7 - Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt ≥ 80%.*

*- Chỉ tiêu 17.8 - Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt ≥ 95%.*

*- Chỉ tiêu 17 - Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.*

*- Chỉ tiêu 17.10 - Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt ≥ 10%.*

*- Chỉ tiêu 17.11 - Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt ≥ 4m2/người theo quy định.*

*- Chỉ tiêu 17.12 - Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt ≥ 90%.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 17.1*** *- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường:* 02 xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản.

***Chỉ tiêu 17.2* -** *Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%:* trên địa bàn 02 xã có 88cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, trong đó: 66 cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường, 22 cơ sở không thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường (02/88 cơ sở đang ngưng hoạt động), đạt 100%; không có làng nghề truyền thống.

UBND xã đã phối hợp với Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã Trảng Bàng kiểm tra, giám sát các cơ sở đang hoạt động trên địa bàn xã, kết quả: các cơ sở đang hoạt động ổn định và thực hiện đúng theo hồ sơ môi trường đã được cấp phép, phê duyệt.

 (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.3*** *- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt ≥ 98%.*

Tổng số dân cư trên địa bàn 02 xã là 5.405 người, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, đạt 100%;tổng chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định, đạt 100%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.4*** *- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt ≥ 50%:* trên địa bàn 02 xã có 5.405 hộ, nước thải tại các khu dân cư chủ yếu là nước thải sinh hoạt của người dân như: vệ sinh, tắm, giặt, tẩy rửa,… Phần lớn người dân đều xử lý nước thải bằng bể tự hoại 3 ngăn, có ngăn lọc và hầm tự thấm chứ không tự ý xả ra môi trường. Tỷ lệ hộ gia đình khu dân cư tập trung thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp có 5.405 hộ/5.405 hộ, đạt 100%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.5*** *- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt ≥ 50%:* UBND xã xây dựng kế hoạch tuyên truyền về việc phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình. Số hộ dân thực hiện phân loại rác tại nguồn là 3.067/5.405 hộ, đạt tỷ lệ 56,74 %.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.6*** *- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%:* chất thải rắn nguy hại trên địa bàn 02 xã được thu gom, vận chuyển và xử lýlà 407 kg/năm/407 kg/năm, đạt 100%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.7*** *- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt ≥ 80%:* trong quá trình sản xuất, tổng lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý tái sử dụng trên địa bàn 02 xã là 111.030,66 tấn/137.016,41 tấn, đạt 94,5%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.8*** *- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt ≥ 95%:* 02 xã có 537/545 cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 98,53%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo*).

 ***Chỉ tiêu 17.9*** *- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch**:* trên địa bàn 02 xã hiện không có nghĩa trang xây dựng mới, không có cơ sở hỏa táng, có 02 nghĩa trang hiện hữu tại ấp Phước Hòa, xã Phước Chỉ; ấp Tân Thuận, xã Hưng Thuận. Khoảng cách an toàn môi trường của nghĩa trang hiện hữu từ hàng rào nghĩa trang tới khu dân cư nông thôn tập trung từ 550 m; tới điểm lấy nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của điểm dân cư nông thôn tập trung trên 1.500 m; tới sông, hồ (bao gồm sông, hồ không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt) trên 2.500 m; tới đường QL22 9.690 m; tới tỉnh lộ ĐT.787B 1.200 m. UBND 02 xã đã ban hành Quy chế quản lý nghĩa trang đảm bảo các nội dung cơ bản theo khoản 2 Điều 17 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP; 02 nghĩa trang không có quy hoạch chi tiết, tuy nhiên 02 nghĩa trang này nằm trong đồ án quy hoạch nông thôn mới xã, phù hợp theo Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Tỷ lệ sử dụng đất các khu chức năng trong nghĩa trang đảm bảo theo quy định. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo*).

 ***- Chỉ tiêu 17.10*** *- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt ≥ 10%:* việc quàn, chôn cất, hoả táng, diện táng, bốc mộ và di chuyển thi hài, hài cốt được thực hiện theo Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định về quy hoạch và quản lý quy hoạch nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; 02 xã thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục và ban hành văn bản quy định rõ việc thực hiện nếp sống văn minh, bảo vệ môi trường trong thực hiện tang lễ; có 18/18 ấp văn hóa, tổ dân cư tự quản đã đưa nội dung thực hiện nếp sống văn minh, bảo vệ môi trường làm tiêu chí đánh giá, đồng thời khuyến khích người dân thực hiện hình thức hỏa táng; đã vận động được 25 người hỏa táng/168 người tử vong (đạt 14,9%).

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***- Chỉ tiêu 17.11*** *- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt ≥ 4m2/người theo quy định:* diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn 02 xã là 8.3050 m2/19.987 người, bình quân đạt 4,16 m2/người.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.12*** *-**Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt ≥ 90%:* chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý trên địa bàn 02 xã: 1.212 kg/1.212 kg (đạt 100%).

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 02/02xã đạt, duy trì tiêu chí số 17 - Môi trường theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.18. Chất lượng môi trường sống**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 18.1 - Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt ≥ 65%.*

*Chỉ tiêu 18.2 - Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít.*

*Chỉ tiêu 18.3 - Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ≥ 40%.*

*Chỉ tiêu 18.4 - Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%.*

*Chỉ tiêu 18.5 - Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.*

*Chỉ tiêu 18.6 - Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm theo quy định.*

*Chỉ tiêu 18.7 - Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 03 sạch đạt 100%.*

*Chỉ tiêu 18.8 - Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 18.1*** *- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ≥ 65%:* trên địa bàn 02 xã có 4.091 hộ/5.405 hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, đạt 75,7%.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.2*** *-Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít:* nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân trên địa bàn 02 xã là 126 lít/người/ngày đêm.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.3*** *- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững (≥40%):* có 03/05 công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt 60% (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.4*** *- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%:* hàng năm*,* các xã có tổ chức tập huấn, tuyên truyền vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở ăn uống, bếp ăn tập thể và phối hợp ngành chuyên môn kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh để củng cố, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.5*** *- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã:* 02 xã không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

 *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.6*** *-**Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm theo quy định:* có 03/03 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm trên địa bàn 02 xã, đạt 100%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.7*** *- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 100%:* trên địa bàn 02 xã có5.405/5.405 hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch, đạt 100%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.8*** *- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%:* 02 xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn (CTR) sinh hoạt. Chất thải rắn sinh hoạt hiện nay do Công ty TNHH Như Mười và Công ty TNHHMTV Quang Sáu Trảng Bàng thực hiện thu gom và xử lý toàn bộ 100% lượng rác thải sinh hoạt.

**c) Đánh giá:** 02/02 xã đạt, duy trì tiêu chí số 18 - Chất lượng môi trường sống theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.19. Quốc phòng và an ninh**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 19.1 - Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân theo quy định.*

*Chỉ tiêu 19.2 - Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả theo quy định.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 19.1*** *- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân:* tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân thông qua lãnh đạo của Đảng ủy, UBND các xã đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; 02 xã tổ chức huấn luyện, giáo dục chính trị, pháp luật đầy đủ cho lực lượng dân quân; quản lý chặt chẽ công dân trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân đúng pháp luật; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, không để xảy ra khiếu nại, tố cáo. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tham gia các trang Facebook “Tôi yêu chiến sĩ sao vuông” và “Yêu người chiến sĩ dân quân tự vệ Việt Nam”, tham gia đấu đấu tranh với các thế lực thù địch trên không gian mạng.

***Chỉ tiêu 19.2*** *- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả theo quy định.*

Hằng năm, Đảng ủy và UBND các xã luôn chú trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự, ban hành nghị quyết và kế hoạch chỉ đạo cụ thể, nhằm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Nhờ sự chỉ đạo sát sao, các xã Hưng Thuận, Phước Chỉ không xảy ra các hoạt động vi phạm nghiêm trọng như chống phá Đảng, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, tuyên truyền tín ngưỡng trái pháp luật, hoặc khiếu kiện đông người trái quy định, theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA của Bộ Công an. Kết quả nổi bật là số vụ tội phạm về trật tự xã hội giảm đáng kể; 02 xã không thuộc danh mục địa bàn phức tạp về trật tự an toàn xã hội theo Quyết định số 8793/QĐ-BCA ngày 26/12/2023 của Bộ Công an. Lực lượng Công an tại 02 xã tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt trong công tác bảo đảm an ninh trật tự; không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm kỷ luật; nội bộ đoàn kết, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu được giao. Với những thành tích này, cả 02 đơn vị được đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

Có 01 xã (Hưng Thuận) có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng giết người. Qua kết quả điều tra, xác minh của Công an thị xã Trảng Bàng về vụ án nêu trên, nhận thấy:

Nguyên nhân xuất phát từ người bị hại thường xuyên nhắn tin qua mạng xã hội Facebook trêu ghẹo bạn gái của đối tượng dẫn đến xô xát. Việc xảy ra đánh nhau dẫn đến chết người do mâu thuẫn bộc phát nhất thời, người bị hại có hành vi khiêu khích, hăm dọa, tấn công đối tượng gây án. Xét về tính chất vụ việc, hành vi của đối tượng chỉ thuộc hành vi cố ý gây thương tích, không mong muốn hậu quả chết người xảy ra đối với người bị hại, tuy nhiên vị trí gây thương tích trúng vào vùng trọng yếu trên cơ thể gây hậu quả chết người, nên Cơ quan tư pháp đề nghị khởi tố đối tượng tội giết người. Đồng thời, các đối tượng đều trong độ tuổi học sinh thường xuyên được nhà trường, chính quyền địa phương tuyên truyền, giáo dục, sau khi xảy ra vụ việc lực lượng Công an tiếp xúc, vận động gia đình đưa các đối tượng ra trình diện để phối hợp điều tra không để tình hình diễn biến phức tạp, tạo dư luận xấu, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

- Trên địa bàn 02 xã có các mô hình như sau: “Tổ dân cư tự quản”, “Vận động toàn dân tham gia tố giác, truy bắt tội phạm ở địa bàn khu dân cư”, “ Nhóm Zalo tuyên truyền phòng, chống tội phạm”, “Sử dụng camera trong đấu tranh phòng, chống tội phạm”. Các mô hình này được Công an các xã thường xuyên hướng dẫn, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động giúp cho lực lượng Công an làm rõ, xử lý nhiều vụ có liên quan an ninh, trật tự, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn.

**c) Đánh giá:** 02/02xã đạt, duy trì tiêu chí số 19 - Quốc phòng và an ninh theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**6. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn**

Diện tích cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa thị xã Trảng Bàng 793.390,3 m2/127.825 người (bình quân 6,21 m2/người). Hiện nay, UBND thị xã Trảng Bàng tiếp tục chỉ đạo ban hành Kế hoạch vận động trồng cây xanh đường phố, cây xanh tại các tuyến xã NTM để nâng tỷ lệ đất cây xanh công cộng trên địa bàn thị xã Trảng Bàng.

**7. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thị xã Trảng Bàng**

UBND thị xã Trảng Bàng đã tập trung chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thường xuyên rà soát, thống kê, phân loại nợ đọng, xác định cụ thể nguyên nhân để có kế hoạch bố trí vốn xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 thị xã Trảng Bàng không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM.

**7. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM/NTM nâng cao**

**7.1. Về quy hoạch**

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch, quản lý quy hoạch theo quy chế. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng NTM của các xã và quy hoạch sử dụng đất của thị xã đảm bảo phù hợp, đồng bộ với các quy hoạch khác. Quản lý và thực hiện tốt quy hoạch đã được phê duyệt.

**7.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội**

Hàng năm, tập trung ưu tiên nguồn lực, làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng một số công trình trọng điểm của thành phố Tây Ninh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và đầu tư xây dựng hạ tầng NTM nâng cao, trong đó:

- Về hạ tầng giao thông nông thôn: tiếp tục huy động các nguồn lực để đầu tư, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện theo hướng phát triển đô thị; phân cấp nhiệm vụ quản lý, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống đường giao thông nông thôn cho các xã; lập kế hoạch cân đối, bố trí ngân sách cho công tác quản lý bảo trì giao thông nông thôn từ nguồn ngân sách địa phương. Hoàn thiện hệ thống cọc tiêu, biển báo giao thông; quản lý tốt hành lang ATGT, tải trọng phương tiện tại các tuyến đường; tuyên truyền, phổ biến Luật Giao thông và vận động người dân chấp hành Luật và ứng xử văn hóa khi tham gia giao thông.

- Về thủy lợi: tiếp tục rà soát, duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi, nâng cấp, sửa chữa các công trình đã xuống cấp, đầu tư thêm các công trình phục vụ tưới tiêu tại các vùng khó tưới nhằm đảm bảo tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động để đáp ứng được yêu cầu tưới, tiêu phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ công trình; xây dựng kế hoạch tưới, tiêu khoa học, tiết kiệm đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp, và dân sinh trên địa bàn; huy động mọi nguồn lực, tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thuỷ lợi, đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai, bảo vệ sản xuất và đời sống Nhân dân.

- Về hạ tầng các khu dân cư nông thôn: tiếp tục xây dựng các khu dân cư theo đúng quy hoạch được duyệt và quản lý thực hiện theo quy hoạch; gắn công tác xây dựng các dự án phát triển của thị xã với xây dựng các khu dân cư. Chuẩn bị tốt các điều kiện để mời gọi đầu tư phát triển các dự án khu đô thị mới, dự án xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở cho người có thu nhập thấp và các khu tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã Trảng Bàng.

- Về hạ tầng điện: thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, chỉnh trang mạng lưới điện nông thôn, đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân và đảm bảo mỹ quan nông thôn. Bổ sung thêm các trạm biến áp để đảm bảo công suất, chống quá tải đối với các khu vực phát triển sử dụng điện tăng nhanh.

**7.3. Về kinh tế và tổ chức sản xuất**

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ làm động lực cho phát triển nhanh và bền vững.

Tăng cường củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp đã chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012, khuyến khích thành lập các HTX kiểu mới lĩnh vực nông nghiệp làm chỗ dựa cho nông dân trong phát triển sản xuất, liên kết với doanh nghiệp trong cung ứng đầu vào và tiêu thụ nông sản.

Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (chương trình OCOP) để phát triển các sản phẩm truyền thống, làng nghề, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong cộng đồng gắn với thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn từng xã và toàn thị xã.

**7.4. Về Văn hóa - xã hội và môi trường**

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các ấp để phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội; xây dựng gia đình văn hóa gắn với xây dựng làng văn hóa; giữ gìn cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; quản lý tốt các di tích lịch sử, văn hoá. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao bằng việc kết nối thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các xã, phường trên địa bàn thị xã.

Mua sắm gói thiết bị phục vụ các trường bán trú (Trường tiểu học Thanh Hoà; Trường tiểu học Đặng Văn Trước; Trường tiểu học Phước Bình A) giai đoạn 2021 - 2025 với tổng mức đầu tư 2.000 triệu đồng.

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học, Trung học cơ sở, nâng cao tỷ lệ trẻ đến lớp Mẫu giáo đạt 100%, nhà trẻ đạt 35%; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp trong các trường phổ thông, tăng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Duy trì và nâng cao các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn quốc gia về y tế, hoạt động của Trạm y tế xã, Trung tâm Y tế thị xã và các phòng khám trên địa bàn thị xã nhằm nâng cao chất lượng phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân, tiến tới nâng tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế đạt trên 98%.

Đưa nội dung bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm vào cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư; đưa tiêu chí nước sạch, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm vào hương ước, quy ước và coi đây là một tiêu chuẩn thi đua, là tiêu chí xây dựng làng văn hóa, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa.

Thường xuyên phát động và tổ chức phong trào toàn dân làm vệ sinh môi trường vào ngày chủ nhật hàng tuần; chỉ đạo các xã, phường tăng cường chăm sóc hoa, cây cảnh, bảo dưỡng hệ thống đường điện chiếu sáng trên các tuyến đường; tổ chức thu gom, xử lý rác thải dọc các tuyến đường giao thông các tuyến kênh, tuyến đê bao trong và ngoài khu dân cư một cách thường xuyên; duy trì việc thu gom, xử lý rác thải dân cư, rác thải công nghiệp, rác thải y tế, rác thải độc hại theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước của cấp huyện và xã về an toàn thực phẩm theo phân cấp. Đảm bảo các sản phẩm thực phẩm khi lưu thông trên thị trường có nguồn gốc xuất xứ, các chợ và cửa hàng đảm bảo an toàn thực phẩm, các cơ sở kinh doanh, bếp ăn tập thể đảm bảo an toàn thực phẩm.

**7.5. Về công tác phòng ngừa, trấn áp tội phạm**

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc ngay từ cơ sở, không để xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài, hình thành các điểm nóng.

Nắm chắc tình hình tranh chấp, khiếu kiện tại địa phương; chỉ đạo, giải quyết dứt điểm không để kéo dài trở thành điểm nóng, tập trung khiếu kiện đông người.

 Nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp với tình hình, nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở từng địa bàn, đảm bảo thiết thực, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp. Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, phương thức, thủ đoạn của các loại tội phạm để nhân dân nắm được, thực hiện và tích cực tham gia đấu tranh, phòng chống tội phạm, cung cấp các nguồn tin có liên quan giúp cơ quan Công an đấu tranh, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

Lực lượng Công an xã, lực lượng dân phố, phối hợp cùng UBND các xã xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong đấu tranh phòng chống tội phạm, quản lý thanh thiếu niên hư hỏng ... Đây là lực lượng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật tại cơ sở.

Thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma tuý; phòng ngừa nghiệp vụ, phòng ngừa xã hội để kiềm chế, làm giảm các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, kinh tế, ma tuý, môi trường; không để hình thành các điểm phức tạp về hình sự, ma túy, ô nhiễm môi trường.

Rà soát các tuyến đường được phân cấp, lắp đặt đầy đủ các biển báo giao thông; đề xuất sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, tăng cường các biện pháp đảm bảo trật tự ATGT, trật tự công cộng, kiềm chế tai nạn giao thông.

Quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phòng cháy chữa cháy... nắm chắc biến động về nhân hộ khẩu, nhất là các biến động cơ học.

**7.6. Về xây dựng hệ thống chính trị**

Tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ nhằm phát huy tính tiền phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ đảng viên, nhất là về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Xây dựng hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả vì dân, sát dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có đủ năng lực, trình độ, mẫn cán trong thực thi công vụ tiếp tục lãnh đạo nhân dân xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tới.

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và chất lượng hoạt động của các tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ thành phố đến cơ sở; đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở; phát huy dân chủ cơ sở để người dân tham gia và giám sát các hoạt động trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên". Phấn đấu đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức xã đạt trình độ chuyên môn đại học trở lên. Hàng năm, tổ chức cơ sở Đảng, các cơ quan trong hệ thống chính trị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Xây dựng lực lượng công an từ thành phố đến cơ sở trong sạch, vững mạnh; chính quy hóa lực lượng công an các xã đảm bảo yêu cầu hoạt động; chủ động nắm bắt tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thường xuyên tổ chức ra quân tấn công, trấn áp phòng ngừa các loại tội phạm, không để khiếu kiện đông người, kéo dài, trái pháp luật xảy ra và hạn chế đến mức thấp tội phạm hình sự.

Xây dựng, củng cố 100% ấp có Tổ dân cư tự quản về an ninh trật tự hoạt động hiệu quả, nâng cao chất lượng đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh nông thôn. Nắm chắc diễn biến tình hình ở từng địa bàn để chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời, không để xảy ra điểm nóng.

**II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ**

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thị xã Trảng Bàng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đầy đủ, đạt yêu cầu so với Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg; Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg.

**2. Về số xã, phường đạt chuẩn theo quy định**

Tổng số xã trên địa bàn thị xã Trảng Bàng: 04 xã (Hưng Thuận, Phước Chỉ, Phước Bình và Đôn Thuận). Số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM: 04/04 xã.

Tổng số phường trên địa bàn thành phố Tây Ninh: 06 phường (Trảng Bàng, Lộc Hưng, Gia Lộc, Gia Bình, An Tịnh, An Hòa).

Số phường đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 06/06 phường.

**3. Về kết quả thực hiện xây dựng NTM ở các xã**

Thị xã Trảng Bàng có 04/04 xã (100% số xã) đạt chuẩn NTM; 02/04 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt 50%.

**4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thị xã Trảng Bàng**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 thị xã Trảng Bàng không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM.

**III. KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở kết quả thực hiện của UBND thị xã Trảng Bàng, đối chiếu với các Quyết định số: 320/QĐ-TTg, 18/QĐ-TTg, 03/2024/QĐ-TTg và các văn bản liên quan, UBND tỉnh Tây Ninh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận thị xã Trảng Bàng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đến năm 2024.

Trên đây là Báo cáo của UBND tỉnh Tây Ninh về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2024 đối với thị xã Trảng Bàng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- VPĐP XDNTM Trung ương;- CT, các PCT. UBND tỉnh;- Sở NNPTNT;- UBND TP Tây Ninh;- LĐVP, PKT;- Lưu: VT, VPUBND tỉnh. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** |